

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HS-ST
Ngày 12/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Hữu Bình và bà Lý Thị Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 27/2019/TLST- HS ngày 20 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST- HS ngày 25 tháng 02 năm 2019, đối với các bị cáo:

1- Trần Đức Tr, sinh ngày 01/7/1999 tại huyện Yên Sơn, Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông: Trần Doãn L và bà Nguyễn Thị N; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2018, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2- Nguyễn T, sinh ngày 12/01/1995 tại huyện Yên Sơn, Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn 5, xã N, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Tiến H và bà Lưu Thị G; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2018, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Tuyên Quang. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1989. Trú tại: Thôn H, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/11/2018 bị cáo Trần Đức Tr đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 22B2 - 159.95 (xe mô tô của Tr) đến nhà bị cáo Nguyễn T, Tr rủ T góp tiền đi mua Methamphetamine (tức ma túy đá) về sử dụng. Số tiền góp là 700.000đồng (T góp 450.000đồng, Tr góp 250.000đồng). Nguyễn T đồng ý và đưa cho Tr số tiền 450.000đồng, Tr sử dụng điện thoại của Tr gọi điện cho người đàn ông tên là Q để hỏi mua ma túy nhưng không gọi được nên Tr đi về nhà. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi Tr liên lạc được với Q, Tr đi xe mô tô đến nhà Nguyễn T rủ T đi mua ma túy. Tr đèo T đi đến khu vực tổ 25, phường M, thành phố T (khu vực Rạp Tháng Tám), Tr bảo T đứng chờ, còn Tr đi xe mô tô một mình đến khu vực tổ 27, phường M, thành phố T để gặp một người đàn ông (theo Tr khai người đàn ông tên là Nguyễn Hữu Q, nhà ở thôn H, xã L, thành phố T nhưng Q thuê nhà trọ tại tổ 27, phường M, thành phố T). Q bảo Tr chở Q đến khu vực tổ 28, phường T, thành phố T (khu vực Công ty xô số kiến thiết Tuyên Quang), Tr đưa cho Q số tiền 350.000đồng và nói mua 450.000đồng Methamphetamine (vì trước đó Tr đã mua hộ Q thẻ điện thoại trị giá 100.000đồng nên Tr trừ khoản tiền này và lúc này Tr không có tiền nên không góp tiền mua ma túy như đã trao đổi với T). Sau khi Tr đưa tiền cho Q, Q bảo Tr đứng đợi, Q đi đâu đó một lúc rồi quay lại chỗ Tr và bảo Tr chở về khu nhà trọ. Tại đây, Q đưa cho Tr 01 gói Methamphetamine được bọc bên ngoài bằng băng dính màu đen, Tr cầm gói Methamphetamine và đi đến chỗ Nguyễn T đứng đợi, Tr đưa cho T gói Methamphetamine vừa mua được để T cầm. Sau đó T và Tr đi đến khu vực thôn C, xã L, thành phố T thì bị tổ công tác Công an thành phố Tuyên Quang phát hiện bắt giữ cùng tang vật. Tiến hành xét nghiệm tìm chất ma túy đối với Trần Đức Tr và Nguyễn T, kết quả: Trần Đức Tr (+) dương tính (trong cơ thể Tr có chất ma túy); Nguyễn T (-) âm tính (trong cơ thể T không có chất ma túy).

Tại Kết luận giám định số 25/GĐKTHS ngày 30/11/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Mẫu vật (thu giữ của Trần Đức Tr và Nguyễn T) gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, số thứ tự 323 thuộc danh mục II C, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; khối lượng 0,180g (không phải một tám không gam).

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKSTP ngày 18 tháng 02 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Trần Đức Tr và Nguyễn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc tranh luận tại phiên toà, Kiểm sát viên trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Trần Đức Tr và Nguyễn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

- Bị cáo Trần Đức Tr từ 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam 28/11/2018.

- Bị cáo Nguyễn T từ 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam 28/11/2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo;

Áp dụng: Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì niêm phong có chữ ký của các bị cáo và hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, bên trong có Methamphetamine là mẫu giám định hoàn lại.

- Trả lại cho bị cáo Trần Đức Tr 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda màu trắng, loại xe Wave, biển kiểm soát 22B2-159.95 (kèm theo 01 chìa khoá điện của xe mô tô) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, xe mô tô và điện thoại đều đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu xám đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng thể hiện tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05/3/2019 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang).

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Trần Đức Tr và Nguyễn T đều nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên, không có bị cáo nào trình bày lời bào chữa và các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra và truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Các bị cáo không thắc mắc, khiếu nại nội dung gì về các hành vi, quyết định tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, các bị cáo cũng thừa nhận Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định là khách quan, chính xác. Bản cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án.

Các bị cáo đều là những thanh niên có sức khỏe, có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân là tội phạm nhưng vì đua đòi, ham chơi nên mắc vào tệ nạn xã hội và rủ nhau đi mua ma túy về để thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh phòng chống tội phạm và bài trừ tệ nạn ma túy trên địa bàn thành phố Tuyên Quang nên cần xét xử nghiêm.

Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ kết luận: Các bị cáo Trần Đức Tr và Nguyễn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội dưới hình thức đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, bàn bạc cụ thể. Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận, bản thân là những đối tượng sử dụng ma túy đá (Methamphetamine) và đã nhiều lần cùng nhau sử dụng nên khi gặp nhau các bị cáo đã hiểu ý nhau và cùng nhau góp tiền đi mua ma túy về để sử dụng. Bị cáo Trần Đức Tr là người trực tiếp liên lạc, giao dịch mua ma túy, còn bị cáo Nguyễn T là người đưa tiền cho Tr đi mua ma túy để cùng nhau sử dụng, vì vậy vai trò của các bị cáo là ngang nhau, nên mức hình phạt như đại diện VKSND thành phố Tuyên Quang đề nghị áp dụng đối với từng bị cáo là phù hợp cần chấp nhận.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt bổ sung:

- Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; tại phiên tòa các bị cáo tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho các bị cáo.

- Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản gì có giá trị nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Trần Đức Tr, Công an thành phố Tuyên Quang đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính (bằng hình thức phạt tiền: 500.000đồng). HĐXX thấy như vậy là phù hợp.

[5] Trong vụ án này còn có người đàn ông tên là Nguyễn Hữu Q, theo bị cáo Trần Đức Tr khai nhận là người bán Methamphetamine cho bị cáo Tr, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang đã áp dụng các biện pháp điều tra nhưng không có căn cứ xử lý. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét, giải quyết.

[6] Về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo:

- Về vật chứng: Đối với 01 phong bì đã niêm phong có chữ ký của các bị cáo và hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang, bên trong có Methamphetamine là mẫu giám định hoàn lại là vật không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy;

Đối với các tài sản thu giữ của bị cáo Trần Đức Tr gồm có: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen đã qua sử dụng không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo; chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda màu trắng, loại xe Wave, biển kiểm soát 22B2- 159.95 đã qua sử dụng (kèm theo 01 chìa khoá điện của xe mô tô), đây là phương tiện sử dụng hàng ngày của bị cáo nên trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ những tài sản này để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone vỏ màu xám đã qua sử dụng, bị cáo Tr đã sử dụng để liên lạc, giao dịch mua ma túy nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

(Tình trạng vật chứng thể hiện tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05/3/2019 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang).

- Về án phí: Các bị cáo Trần Đức Tr và Nguyễn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c, khoản 1, Điều 249; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Đức Tr và Nguyễn T phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

Xử phạt:

- Bị cáo Trần Đức Tr 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam 28/11/2018.

- Bị cáo Nguyễn T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam 28/11/2018.

2. Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì đã niêm phong có chữ ký của các bị cáo và hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Tuyên Quang, bên trong có Methamphetamine là mẫu giám định hoàn lại.

- Trả lại cho bị cáo Trần Đức Tr 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen đã qua sử dụng và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda màu trắng, loại xe Wave, biển kiểm soát 22B2- 159.95 (kèm theo 01 chìa khoá điện của xe mô tô) đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu xám đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng thể hiện tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05/3/2019 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang).

3. Căn cứ vào các Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Trần Đức Tr và Nguyễn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND thành phố TQuang;
- VKSND tỉnh TQuang;
- Cơ quan CSĐT Công an TPTQuang;
- Cơ quan THAHS TPTQuang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Tquang;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương Giang